

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2025/HS-ST

Ngày: 16/04/2025

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Phương; ông Đinh Văn Luận.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thanh Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Toán Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 04 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2024/TLST-HS ngày 03 tháng 03 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2025/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 04 năm 2025 đối với:

Bị cáo: Trần Thị C, sinh năm 1995.

Nơi ĐK HKTT và chỗ ở: Khu phố Đa H, phường Châu K, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn P, sinh năm 1964 và bà Trần Thị K, sinh năm 1967; chồng: Trần Văn T, sinh năm 1990; con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trần Văn T, sinh năm 1990, trú tại: Khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

2. Bà Trần Thị K, sinh năm 1968, trú tại: Khu phố Đa H, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt

Người làm chứng:

1. Chị Lê Hồng H, sinh năm 1975, trú tại: Khu phố Tân Lập, phường Đình Bảng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

2. Chị Trịnh Thị T1, sinh năm 1980, trú tại: Thôn Móng, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH sản xuất và thương mại thép An Trung (viết tắt là công ty thép An Trung), có địa chỉ trụ sở tại phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, thành lập tháng 3/2017, đăng ký mã số thuế 2300977978, ngành nghề kinh doanh là sản xuất sắt, thép, gang ...do anh Trần Văn T, sinh năm 1990, trú tại khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (là chồng của C) đứng tên Giám đốc.

Công ty TNHH thương mại dịch vụ tổng hợp Công Phát (viết tắt là công ty Công Phát), có địa chỉ trụ sở tại phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, thành lập tháng 12/2020, đăng ký mã số thuế 2301156572, ngành nghề kinh doanh là buôn bán kim loại và quặng kim loại ...do Trần Thị C, sinh năm 1995, hộ khẩu thường trú tại khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh đứng tên giám đốc và quản lý điều hành.

Công ty TNHH thương mại Đức Vương VN (viết tắt là công ty Đức Vương), có địa chỉ trụ sở tại phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, thành lập tháng 05/2022, đăng ký mã số thuế 2301211142, ngành nghề kinh doanh là Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại ...do bà Trần Thị K, sinh năm 1968, trú tại khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (là mẹ của C) đứng tên Giám đốc.

Tuy nhiên, mọi hoạt động kinh doanh của Công ty TNHH sản xuất và thương mại thép An Trung và Công ty TNHH thương mại Đức Vương VN đều do C quản lý, điều hành. Anh T, bà K không tham quản lý điều hành và không biết gì về hoạt động kinh doanh của 2 công ty trên.

Trong quá trình điều hành hoạt động kinh doanh của 03 công ty trên, C thấy có nhiều khách hàng giới thiệu là nhân viên của các công ty đặt vấn đề mua hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) không các mặt hàng về sắt, thép, kim loại..., thấy có lợi nhuận nên C đồng ý bán hóa đơn GTGT không của công ty An Trung, công ty Công Phát và công ty Đức Vương cho khách hàng có nhu cầu với giá 2% giá trị tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn.

Sau khi bán hóa đơn GTGT không cho khách hàng, C liên hệ với người phụ nữ tên Loan ở Hải Phòng (không rõ nhân thân, lai lịch, địa chỉ) để mua hóa đơn GTGT không do nhiều công ty có trụ sở tại thành phố Hà Nội, tỉnh

Hà Nam và tỉnh Hòa Bình xuất ra với giá 1,98% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn để hợp thức hóa các số hóa đơn đã bán khống nhằm thu lợi bất chính tiền chênh lệch 0,02% từ việc bán hóa đơn GTGT khống, cụ thể như sau:

Về hành vi bán trái phép hóa đơn:

Khi khách hàng có nhu cầu mua hóa đơn GTGT khống thì liên hệ với C và cung cấp cho C các thông tin, số liệu như: tên công ty, địa chỉ trụ sở, mã số thuế, mặt hàng, chủng loại, số lượng, giá trị hàng hóa.... Sau đó, C soạn thảo hợp đồng, biên bản giao nhận hàng hóa và viết hóa đơn giấy hoặc thiết lập hóa đơn điện tử theo các thông tin khách hàng cung cấp. Sau khi soạn thảo xong, đối với các hợp đồng và tài liệu đứng tên công ty An Trung, công ty Đức Vương thì C đưa và bảo anh T và bà K ký tên Giám đốc; với công ty Công Phát thì C ký tên Giám đốc rồi chuyển phát nhanh đến địa chỉ do khách hàng yêu cầu hoặc khách hàng đến gặp C để trực tiếp lấy.

Để hợp thức hóa thủ tục thanh toán tiền qua ngân hàng, sau khi nhận được hóa đơn và các chứng từ kèm theo, khách hàng mua hóa đơn GTGT khống dùng tài khoản của công ty sử dụng hóa đơn khống chuyển trả tiền mua hàng vào số tài khoản của công ty C xuất hóa đơn GTGT khống (Công ty An Trung số 43310000331617 mở tại ngân hàng BIDV; công ty Công Phát số tài khoản 43310000699980 mở tại Ngân hàng BIDV và công ty Đức Vương VN 43310000790661 mở tại Ngân hàng BIDV).

Khi nhận được tiền chuyển khoản từ khách hàng, C nhờ anh T ký giấy tờ rút tiền mặt để rút tiền từ tài khoản của công ty An Trung, và nhờ bà K ký chứng từ để rút tiền từ tài khoản của công ty Đức Vương. Riêng tài khoản công ty Công Phát thì C tự ký và trực tiếp thực hiện việc rút tiền.

Sau khi rút tiền, C giữ lại số tiền bán hóa đơn GTGT khống theo thỏa thuận là 2% giá trị tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn, số tiền còn lại C trả lại trực tiếp bằng tiền mặt cho khách hàng. Việc trả lại tiền cho khách hàng mua hóa đơn giữa C và người mua hóa đơn không có sổ sách hay giấy tờ ghi chép.

Với cách thức như trên, từ năm 2020 đến năm 2022, Trần Thị C sử dụng 846 số hóa đơn GTGT đã ghi đầy đủ nội dung của công ty An Trung, công ty Công Phát và công ty Đức Vương bán khống cho khách hàng xuất về 101 công ty (trong đó có công ty TNHH đầu tư thép Minh Tộc của Trần Văn Hương sinh năm 1983, HKTT: Khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh và Công ty TNHH đầu tư thép Minh Phú của Trần Văn T, sinh năm 1992, HKTT: Khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc

Ninh) với tổng số tiền hàng ghi trên hóa đơn là 556.501.467.423 đồng, tiền thuế là 55.650.146.742 đồng, với giá 2% giá trị tiền hàng ghi trên hoá đơn.

Cơ quan điều tra tiến hành xác minh những công ty sử dụng hóa đơn không của C, xác định như sau:

- Công ty TNHH đầu tư thép Minh Lộc, có địa chỉ trụ sở tại số 03, ngõ 79, đường Nguyễn Công Hãng, phường Trần Nguyên Hãn, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, mã số thuế 2400897765 do Trần Văn Hưởng làm giám đốc đã mua hóa đơn GTGT không của C. Đến nay, Hưởng đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử về tội "Mua bán trái phép hóa đơn" theo Bản án số 177 ngày 26/12/2024 nên không xem xét trong vụ án này.

- Công ty TNHH đầu tư thép Minh Phú, có địa chỉ trụ sở tại Cụm công nghiệp phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, mã số thuế 2301075330 do Trần Văn T làm giám đốc đã mua hóa đơn GTGT không của C. Hành vi của T đã bị Cơ quan CSĐT (PC03) Công an tỉnh Bắc Ninh khởi tố về tội "Mua bán trái phép hóa đơn" trong vụ án khác theo Quyết định khởi tố vụ án hình sự số 10 và Quyết định khởi tố bị can số 284 cùng ngày 26/8/2024 nên không xem xét trong vụ án này.

- Đối với 62 Công ty có số tiền thuế trên 100.000.000 đồng và 37 công ty có số tiền thuế dưới 100.000.000 đồng, đại diện các công ty này đều trình bày mua hàng thật qua đối tượng trung gian không rõ nhân thân, lai lịch, giới thiệu là nhân viên kinh doanh của Công ty An Trung, Công ty Công Phát và Công ty Đức Vương; không trực tiếp giao dịch với Giám đốc hay người quản lý công ty hoặc do nhân viên thực hiện (hiện không còn làm việc tại công ty, không xác định được ở đâu).

Căn cứ sao kê tài khoản các Công ty này cung cấp nhận thấy việc nộp và rút tiền tài khoản của các công ty này đều do nhân viên của các công ty thực hiện. Mặt khác, các mã rút tiền trên tài khoản của Công ty An Trung, Công ty Công Phát và Công ty Đức Vương đều do Trần Thị C hoặc anh T thực hiện. Đến nay, chưa đủ cơ sở để xác định các đơn vị, doanh nghiệp này đã mua không hóa đơn của Trần Thị C để trốn thuế hoặc mua bán trái phép hóa đơn.

Về hành vi mua hóa đơn GTGT không:

Sau khi sử dụng hóa đơn GTGT của công ty An Trung, công ty Công Phát và công ty Đức Vương bán không cho khách hàng, C liên hệ với người phụ nữ tên Loan ở Hải Phòng (không rõ nhân thân, lai lịch, địa chỉ) đặt vấn đề mua hóa đơn GTGT không với giá 1,98% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn

nhằm hợp thức hóa số lượng hàng hóa trên các số hóa đơn đã bán không. Khi cần mua hóa đơn, C cung cấp thông tin như tên công ty, địa chỉ trụ sở, mã số thuế, mặt hàng, khối lượng, giá trị... cho Loan để Loan hoàn thiện các thủ tục, giấy tờ theo thông tin C cung cấp. Sau khi hoàn thiện giấy tờ, thủ tục, Loan gửi hóa đơn GTGT không và các giấy tờ khác như Hợp đồng, Biên bản giao nhận hàng hóa, phiếu xuất kho... đã có chữ ký, đóng dấu của công ty bán hóa đơn qua chuyển phát nhanh hoặc cho người trực tiếp mang đến cho C.

Để hợp thức hóa việc thanh toán tiền qua ngân hàng đối với các hóa đơn mua không, C sử dụng tài khoản của công ty An Trung, công ty Công Phát và công ty Đức Vương chuyển khoản đến tài khoản của các công ty xuất hóa đơn không. Sau khi thực hiện các thủ tục thanh toán tiền qua ngân hàng, Loan giữ lại tiền bán hóa đơn là 1,98% tổng giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn, số tiền còn lại Loan trả lại tiền mặt cho C. Việc thanh toán tiền mua, bán hóa đơn nêu trên giữa Loan và C không có giấy tờ, sổ sách hay chứng từ ghi chép lại.

Với cách thức như trên, từ năm 2020 đến năm 2022, Trần Thị C đã mua không 418 số hóa đơn của người phụ nữ tên Loan do 14 công ty xuất ra cho công ty An Trung, công ty Công Phát và công ty Đức Vương, tổng giá trị tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn là 556.461.665.171 đồng, tiền thuế là 55.646.166.517 đồng (với giá 1,98% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn).

Để làm báo cáo thuế hàng tháng, quý và báo cáo tài chính, Trần Thị C thuê chị Trịnh Thị T1, sinh năm 1980, trú tại thôn Móng, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh làm kế toán thuế cho công ty An Trung và chị Lê Hồng H, sinh năm 1975, trú tại khu phố Tân Lập, phường Đình Bảng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh làm kế toán thuế cho công ty Công Phát và công ty Đức Vương. Đến kỳ báo cáo thuế, C chuyển các hóa đơn, chứng từ của công ty An Trung, công ty Công Phát và công ty Đức Vương cho chị T1 và chị H để kê khai báo cáo thuế. C không trao đổi cho chị T1 và chị H biết việc C mua bán trái phép hóa đơn. Bản thân chị T1 và chị H không biết C mua bán trái phép hóa đơn, không đến công ty làm việc chỉ làm kế toán báo cáo thuế cho các công ty do C quản lý và điều hành theo các hóa đơn, chứng từ C chuyển cho. Toàn bộ số hóa đơn không C đã mua bán với các công ty trên đều đã được kê khai khấu trừ thuế.

Về số tiền thu lợi bất chính: Tổng số hóa đơn GTGT do Trần Thị C đã mua, bán không là 1.264 số hóa đơn, được hưởng lợi số tiền: Tiền bán hóa đơn đầu ra (2% giá trị tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn) - Tiền mua hóa đơn đầu vào (1,98% giá trị tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn), cụ thể =

556.501.467.423 đồng x 2% - 556.461.665.171 đồng x 1,98% = 112.088.378 đồng. C đã tự nguyện giao nộp số tiền 112.088.378 đồng thu lợi bất chính.

Tiến hành xác minh 14 công ty xuất hóa đơn khống cho các công ty do C quản lý điều hành, xác định như sau:

- Đối với 13 công ty gồm: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư và phát triển TPMEW; Công ty kinh doanh trực tuyến Việt Nam; Công ty TNHH sản xuất và thương mại Cát Hồng; Công ty TNHH sản xuất thương mại Bảo Bảo; Công ty cổ phần đầu tư và phát triển công nghệ Kim Long; Công ty TNHH kinh doanh dịch vụ tổng hợp Phúc Khang; Công ty TNHH sản xuất và đầu tư thương mại Tuấn Thu; Công ty TNHH sản xuất và đầu tư thương mại Quốc Huy; Công ty TNHH sản xuất thương mại tổng hợp Vạn Phúc; Công ty TNHH kinh doanh thương mại và sản xuất Minh Tuấn; Công ty TNHH thương mại VLXD Thế Anh; Công ty TNHH đầu tư phát triển thương mại Hồng Hải; Công ty TNHH đầu tư và thương mại tổng hợp Phương Linh. Các công ty trên đều không hoạt động tại địa chỉ đăng ký và do Trần Thị Hằng, sinh năm 1985, HKTT: Khu phố Đa Hội, phường Châu Khê, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh thành lập để thực hiện hành vi mua bán hoá đơn. Hành vi của Hằng đã bị xét xử theo Bản án số 120/2024/HS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đối với công ty TNHH phân phối Đông Phương do Đinh Thị Thu, trú tại Đội 3, thị trấn Lâm, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định làm giám đốc, hiện công ty trên không hoạt động tại địa chỉ đăng ký. Cơ quan An ninh điều tra xác minh tại Đội 3, thị trấn Lâm, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định không có công dân nào tên Đinh Thị Thu có địa chỉ như trên.

Ngày 13/08/2024, C đã đến Cơ quan ANĐT Công an tỉnh Bắc Ninh đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Với nội dung trên, Cáo trạng số 23CT-VKSBN-P1 ngày 26/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã truy tố Trần Thị C về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” quy định tại các điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng truy tố là đúng người, đúng tội, không oan.

Anh Trần Văn T trình bày: Tháng 3/2017, Trần Thị C (là vợ anh) nhờ anh đứng tên Giám đốc để thành lập Công ty TNHH sản xuất và thương mại thép An Trung. Tuy nhiên mọi hoạt động, sản xuất kinh doanh đều do C trực tiếp quản lý, điều hành nên anh không biết việc C mua bán trái phép hóa đơn tại Công ty và anh cũng không được hưởng lợi gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu luận tội giữ nguyên Cáo trạng truy tố. Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên tội danh như cáo trạng đã truy tố.

Áp dụng điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điểm s, **n** khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt Trần Thị C số tiền từ 300 đến 350 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Tịch thu của bị cáo toàn bộ số tiền hưởng lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn là 112.088.378 đồng sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo không tranh luận với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Đối với hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vì vậy có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ năm 2020 đến năm 2022, với vai trò là người quản lý, điều hành mọi hoạt động kinh doanh của công ty An Trung, công ty Công Phát và công ty Đức Vương, Trần Thị C sử dụng **846** số hóa đơn GTGT đã ghi đầy đủ nội dung của công ty An Trung, công ty Công Phát và công ty Đức Vương bán khống cho 101 công ty với tổng số tiền hàng chưa thuế ghi trên hóa đơn là 556.501.467.423 đồng, tiền thuế là 55.650.146.742 đồng, với giá 2% giá trị tiền hàng ghi trên hóa đơn.

Để hợp thức số hoá đơn đã bán khống, C đã mua khống với tổng số **418** số hóa đơn GTGT của người tên Loan do 14 công ty xuất ra cho công ty An Trung, công ty Công Phát và công ty Đức Vương với tổng giá trị tiền hàng là 556.461.665.171 đồng, tiền thuế là 55.646.166.517 đồng với giá 1,98% giá trị tiền hàng trên hóa đơn.

Tổng số hóa đơn Trần Thị C đã mua, bán khống là **1.264** số hóa đơn và hưởng lợi bất chính số tiền là **112.088.378** đồng.

Do vậy có đủ căn cứ kết luận bị cáo Trần Thị C phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn” theo điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật Hình sự. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh truy tố bị cáo với tội danh và điều luật viện dẫn trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tới trật tự quản lý hành chính của nhà nước về tài chính, kinh tế, gây mất trật tự trong sản xuất, kinh doanh. Do vậy, cần phải xử phạt nghiêm bằng pháp luật hình sự mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy:

Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã đến cơ quan điều tra đầu thú; trong quá trình chuẩn bị xét xử bị cáo đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính để đảm bảo việc xét xử và hiện nay bị cáo đang có thai. Do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và đã nộp lại toàn bộ số tiền hưởng lợi bất chính vì vậy cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính cũng đủ giáo dục, cải tạo bị cáo.

[4] Về vật chứng và các biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền bị cáo thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép hóa đơn là 112.088.378 đồng cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[5] Liên quan trong vụ án:

- Đối với anh Trần Văn T và bà Trần Thị K là những người được bị cáo C nhờ đứng tên Giám đốc và ký các giấy tờ theo sự chỉ đạo của bị cáo C nhưng anh T, bà K không tham gia hoạt động quản lý, điều hành công ty; không biết việc bị cáo C mua, bán trái phép hoá đơn GTGT nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

- Đối với chị Trịnh Thị T1 và chị Lê Hồng H là kế toán chỉ làm việc kê khai, báo cáo thuế theo các hoá đơn, chứng từ mà C chuyển cho; không tham gia vào hoạt động kinh doanh của công ty; không biết các hóa đơn được mua, bán khống và không được hưởng lợi gì nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

- Đối với người phụ nữ tên Loan bán hóa đơn GTGT khống cho C và những người mua hóa đơn khống của C, do C không biết rõ họ, tên tuổi, lai lịch, địa chỉ cụ thể và có mối quan hệ với ai nên Cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ xác minh. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau là phù hợp.

- Đối với Trần Thị Hằng, Trần Văn T và Trần Văn Hưởng có liên quan đến việc mua bán trái phép hóa đơn với C. Đến nay, hành vi của Hằng, T và Hưởng đã bị xử lý trong vụ án khác nên Cơ quan điều tra không xem xét trong vụ án này là phù hợp.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Trần Thị C phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn”.

Căn cứ điểm d, đ khoản 2 Điều 203; điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự xử phạt: Trần Thị C số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền thu lợi bất chính của Trần Thị C là 112.088.378 đồng.

Xác nhận Trần Thị C đã nộp 112.088.378 đồng tại Cơ quan điều tra và 200.000.000 đồng tại Cơ quan thi hành án dân sự theo Biên lai thu tiền số 0001870 ngày 17/02/ 2025 và số 0002013 ngày 14/4/2025 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Trần Thị C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo

bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- **CQANĐT (PA09)** Công an tỉnh BN;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Minh Thu